

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO LẦN 1
(ngày 25/01/2026)

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Khóa ..., Kỳ họp ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa phi vật thể trong danh sách của UNESCO và danh mục quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể được Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) thông qua ngày 17/10/2003 (Công ước 2003); Hướng dẫn thực hiện Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003 của UNESCO;

Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TTBVHTTDL ngày 31/12/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hoá phi vật thể, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ, nguồn lực và cơ chế tổ chức thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa cộng chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có di sản văn hóa cộng chiêng.
- b) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và truyền dạy di sản văn hóa cộng chiêng.
- c) Các đội, nhóm cộng chiêng; câu lạc bộ văn nghệ dân gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể cộng chiêng.
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo tồn, truyền dạy, trình diễn, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa cộng chiêng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Cộng đồng chủ thể: là cộng đồng dân cư/nhóm người đang nắm giữ, thực hành, trao truyền và quyết định các hình thức thực hành di sản cộng chiêng tại buôn, làng.
- 2. Câu lạc bộ/đội/nhóm cộng chiêng: là tổ chức tự nguyện của cộng đồng, được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và có quy chế hoạt động.
- 3. Đồng thuận của cộng đồng: là sự chấp thuận theo nguyên tắc tự nguyện, được thông tin đầy đủ và được lập thành biên bản (có chữ ký/điểm chỉ của người đại diện theo phong tục và đại diện chính quyền cấp xã).
- 4. Cơ chế chia sẻ lợi ích: là thỏa thuận bằng văn bản giữa cộng đồng (hoặc đại diện được ủy quyền) với tổ chức/cá nhân khai thác, trong đó xác định tối thiểu: tỷ lệ phân chia doanh thu/lợi ích, khoản đóng góp cho quỹ cộng đồng, quyền sử dụng hình ảnh - dữ liệu, trách nhiệm bảo vệ yếu tố thiêng và phương thức giám sát.
- 5. Tư liệu hóa, số hóa: là hoạt động ghi âm/ghi hình, lập phiếu kiểm kê, thu thập dữ liệu, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu số về bộ chiêng, nghệ nhân, nghi lễ, lễ hội và tri thức liên quan, bảo đảm bảo vệ thông tin nhạy cảm theo quy định pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách

- 1. Bảo đảm vai trò trung tâm của cộng đồng chủ thể; tôn trọng phong tục, tập quán và giữ gìn yếu tố gốc của di sản; cộng đồng tham gia và giám sát toàn bộ quá trình triển khai.
- 2. Các Câu lạc bộ, đội, nhóm sinh hoạt văn hóa cộng chiêng được hỗ trợ phải có Quyết định thành lập Câu lạc bộ, đội, nhóm theo hướng dẫn tại Nghị định 215/NĐ-CP và Nghị định 308/NĐ-CP của Chính phủ; thành viên tham gia từ 20 người trở lên, có Ban Chủ nhiệm/đội trưởng và các thành viên hoạt động theo quy chế; bảo đảm duy trì thực hành thường xuyên, liên tục, có hoạt động trao truyền, tạo đội ngũ kế cận; thường xuyên tuyên truyền, vận động kết nạp thành viên mới; tổ chức các hoạt động sinh hoạt đúng yếu tố truyền thống, không làm sai lệch giá trị di sản.

3. Hỗ trợ có điều kiện, gắn với kết quả và duy trì thực hành thường xuyên; công khai, minh bạch, đúng đối tượng; không trùng lặp chính sách cho cùng một nội dung hỗ trợ.

4. Mọi hoạt động tư liệu hóa, số hóa, trình diễn, khai thác du lịch phải có đồng thuận của cộng đồng bằng biên bản và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng cho nghệ nhân, câu lạc bộ/đội/nhóm và cộng đồng.

5. Gắn bảo tồn với nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục truyền thống, chuyển đổi số và phát triển sinh kế bền vững; phòng ngừa thương mại hóa, sân khấu hóa làm sai lệch di sản.

Điều 4. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng cơ chế và nguồn lực để bảo tồn, trao truyền và phát huy bền vững Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung cam kết trong hồ sơ UNESCO. Khẳng định và phát huy vai trò trung tâm của cộng đồng, là chủ thể của mọi hoạt động bảo tồn; duy trì việc thực hành cồng chiêng thường xuyên trong đời sống, khuyến khích truyền dạy, bồi dưỡng hạt nhân và lớp trẻ kế cận. Kết hợp bảo tồn với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phát triển du lịch văn hóa, giáo dục truyền thống và chuyển đổi số để quản lý, quảng bá và lan tỏa giá trị di sản.

2. Mục tiêu cụ thể (đến năm 2030):

a) Phân đầu 90% xã, phường có đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thành lập và duy trì hiệu quả câu lạc bộ/đội/nhóm cồng chiêng.

b) Mỗi buôn, làng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ có địa điểm sinh hoạt, trình diễn cồng chiêng phù hợp phong tục, tập quán

c) Mỗi xã, phường tổ chức tối thiểu 01 lớp truyền dạy cồng chiêng cho thế hệ trẻ mỗi năm; trong giai đoạn tổ chức ít nhất 05 lớp tập huấn kỹ năng sư phạm, truyền dạy cho nghệ nhân.

d) 100% Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú trên địa bàn tỉnh thành lập và duy trì câu lạc bộ văn nghệ cồng chiêng; lồng ghép nội dung di sản vào tiết học âm nhạc và hoạt động giáo dục ngoại khóa.

đ) Hoàn thành số hóa cơ sở dữ liệu bộ chiêng, nghệ nhân, nghi lễ, lễ hội liên quan; kết nối với cơ sở dữ liệu di sản văn hóa quốc gia.

e) Xây dựng ít nhất 05 hồ sơ khoa học đề nghị ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; xây dựng ít nhất 01 mô hình du lịch cộng đồng gắn với cồng chiêng tại mỗi xã có điều kiện phù hợp.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể thực hành và truyền dạy di sản

a) Hỗ trợ tổ chức lớp truyền dạy, thực hành và trao truyền di sản văn hóa phi vật thể gắn với cồng chiêng tại cộng đồng và các trường tiểu học, trung học cơ sở và các trường phổ thông dân tộc nội trú tại vùng di sản có hoạt động thực hành di sản (đánh chiêng, chỉnh chiêng; chế tác, phục hồi nhạc cụ; múa xoang; phục dựng, tái hiện nghi lễ; diễn xướng, trình diễn di sản).

- Mỗi lớp không quá 30 buổi; tối đa 03 nghệ nhân/lớp (gồm 01 nghệ nhân phụ trách chính; 02 nghệ nhân phụ đối với lớp có từ 02 nội dung trở lên).

- Hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại cho học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia lớp truyền dạy trực tiếp tại cộng đồng: mức hỗ trợ tối đa 80.000 đồng/người/ngày. Đối với các trường hợp khác thực hiện theo điểm b, khoản 3 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Mức chi thù lao, hỗ trợ đối với nghệ nhân, người thực hành di sản tham gia giảng dạy, hướng dẫn, truyền dạy thực hiện theo điểm b, điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Hỗ trợ tổ chức phục dựng, tái hiện nghi lễ, lễ hội truyền thống của cộng đồng dân cư; ưu tiên các nghi lễ, lễ hội có nguy cơ mai một, thất truyền; bảo đảm tôn trọng chủ thể văn hóa, phù hợp phong tục tập quán, không sân khấu hóa làm biến dạng di sản.

Đối với vật tư, lễ vật, đạo cụ, mô hình, nhạc cụ do cộng đồng tự chế tác, chuẩn bị phục vụ phục dựng/tái hiện: thanh toán theo ngày công, mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/ngày. Đối với sản vật mua sắm trong dân, thực hiện thanh toán theo giá thị trường tại thời điểm mua, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chính sách hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và duy trì hoạt động các câu lạc bộ/đội văn nghệ truyền thống thực hành di sản văn hoá phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng.

a) Đối với câu lạc bộ/đội văn nghệ truyền thống thực hành di sản văn hoá phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng được thành lập mới, đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị quyết này, được hỗ trợ một lần theo một trong hai hình thức sau đây; mỗi câu lạc bộ/đội chỉ được lựa chọn và hưởng 01 (một) trong 02 (hai) hình thức hỗ trợ sau:

- + Hỗ trợ một lần đối với câu lạc bộ/đội văn nghệ truyền thống thực hành di sản văn hoá phi vật thể gắn với công chiêng tại cộng đồng được thành lập mới: 30.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội, thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- + Hỗ trợ mua sắm một lần các trang thiết bị cơ bản phù hợp với từng loại hình câu lạc bộ/đội văn nghệ truyền thống (bộ chiêng đồng, nhạc cụ dân gian, trang phục, đạo cụ và các trang thiết bị cần thiết khác), mức hỗ trợ được xác định theo nhu cầu thực tế và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ đã được thẩm định; mức hỗ trợ tối đa: 150.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội đối với câu lạc bộ thuộc xã, phường; 100.000.000 đồng/câu lạc bộ/đội đối với câu lạc bộ/đội tại các buôn, làng.

- Mỗi xã, phường được xem xét thành lập 01 câu lạc bộ/đội văn nghệ. Đối với buôn, làng, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp đã được hỗ trợ từ nguồn khác thì chỉ xem xét hỗ trợ phần còn thiếu, không trùng lắp.

- Trang thiết bị được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý.

b) Hỗ trợ duy trì hoạt động thường xuyên hằng năm đối với câu lạc bộ/đội văn nghệ truyền thống thực hành di sản, bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 3 của Nghị quyết này; có kế hoạch hoạt động hằng năm; duy trì lực lượng tham gia và tổ chức tập luyện định kỳ; có nhật ký hoạt động; tham gia ít nhất 02 hoạt động trình diễn/điển xướng tại các chương trình văn hóa, văn nghệ ở địa phương; kết nạp tối thiểu 05 thành viên mới/năm và tổ chức hoạt động tập luyện, trao truyền tạo lực lượng kế cận. Mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/năm/câu lạc bộ/đội/nhóm (thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ), từ nguồn chi ngân sách hằng năm của các địa phương.

3. Chính sách hỗ trợ sửa chữa, cải tạo không gian thực hành di sản văn hóa cộng đồng trong cộng đồng

Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo, tu bổ và sửa chữa nhà dài truyền thống của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trong cộng đồng dân cư, bảo đảm giữ gìn yếu tố gốc, đặc trưng kiến trúc truyền thống; qua đó bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, hạn chế nguy cơ mai một, biến dạng hoặc mất dần trong cộng đồng. Mức hỗ trợ phục dựng, tu bổ tối đa không quá 1.000.000.000 đồng/nhà theo hồ sơ được cấp thẩm quyền phê duyệt (theo tiêu chí tại Phụ lục I).

4. Chính sách tư liệu hóa, kiểm kê, số hóa và cơ sở dữ liệu di sản

a) Hỗ trợ cộng đồng tham gia kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa (cung cấp thông tin, diễn xướng phục vụ ghi hình/ghi âm, lập phiếu kiểm kê): 200.000đồng/buổi/người.

b) Hỗ trợ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số về di sản cộng đồng trên địa bàn tỉnh; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể; tuân thủ yêu cầu bảo vệ yếu tố thiêng và nguyên tắc không sai lệch theo Nghị định 215/2025/NĐ-CP.

5. Chính sách phát huy giá trị di sản gắn với du lịch cộng đồng

a) Hỗ trợ công tác quy hoạch; hỗ trợ đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, gồm: giao thông, điện, nước; hạ tầng điểm đến; không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại các thôn/buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ thuộc các xã, phường đã có quy hoạch và bố trí quỹ đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; bảo đảm phù hợp với đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện thực tế của địa phương (tiêu chí, mức hỗ trợ và danh mục hạng mục thực hiện theo Phụ lục II).

b) Hỗ trợ xây dựng và vận hành mô hình du lịch cộng đồng gắn với thực hành di sản cộng đồng tiêu biểu tại thôn/buôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, nhằm quảng bá di sản và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng.

Nội dung hỗ trợ trọng tâm: (i) đào tạo kỹ năng đón tiếp - thuyết minh - an toàn; (ii) thiết kế sản phẩm trải nghiệm (cồng chiêng - múa xoang/điển xướng; ẩm thực; nghề thủ công/chế tác nhạc cụ; nông nghiệp - cà phê/sinh thái; trải nghiệm lễ hội khi phù hợp); (iii) truyền thông và kết nối thị trường; (iv) xây dựng quy ước bảo vệ yếu tố thiêng; (v) cơ chế chia sẻ lợi ích và quỹ cộng đồng.

Điều kiện hỗ trợ: có đề án/mô hình do cộng đồng đồng thuận; có phương án phân chia lợi ích; không tổ chức trình diễn trái phong tục, không ép buộc nghệ nhân; gắn sản phẩm với sự kiện/ liên hoan văn hóa cộng đồng của tỉnh để tạo “mùa” thu hút khách.

Điều 6. Cơ chế thực hiện, điều kiện hỗ trợ và phương thức chi

1. Danh mục nội dung hỗ trợ, đối tượng, định mức, hồ sơ, trình tự và thủ tục thanh quyết toán thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

2. Hỗ trợ gắn với kết quả: câu lạc bộ/đội văn nghệ truyền thống được hỗ trợ duy trì hoạt động hằng năm phải đáp ứng tiêu chí hoạt động tối thiểu; lớp truyền dạy phải có danh sách, kế hoạch, biên bản nghiệm thu và sản phẩm đầu ra.

3. Việc tư liệu hóa, số hóa phải có biên bản đồng thuận của cộng đồng; nội dung liên quan nghi lễ được quản trị theo phân quyền, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể di sản.

4. Đối với hỗ trợ nhà dài truyền thống quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị quyết này:

a) Chủ nhà dài nhận hỗ trợ cam kết trùng tu, tôn tạo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt; tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng hoặc phát triển du lịch cộng đồng theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

b) Mỗi đối tượng chỉ được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần đối với cùng một nội dung chính sách; bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp với chính sách khác.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương hằng năm bố trí cho lĩnh vực văn hóa.

2. Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới, phát triển văn hóa giai đoạn 2025–2030.

3. Huy động các nguồn xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện giai đoạn 2026–2030 là 148.000.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám tỷ đồng).

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; ban hành hướng dẫn chi tiết hồ sơ, thủ tục, tiêu chí nghiệm thu; phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành, địa phương liên quan; định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất điều chỉnh (nếu cần).

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Khuyến khích cộng đồng chủ thể tham gia giám sát thông qua: nhật ký hoạt động câu lạc bộ/đội/nhóm; công khai hỗ trợ tại nhà văn hóa thôn/buôn; cơ chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của nghệ nhân và người dân.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cộng chiêng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa ..., Kỳ họp ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ VHTTDL;
- Bộ Tư pháp - Cục KTVBQPPL;
- Bộ Tài Chính - Vụ Pháp chế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh Đắk Lắk;
- TT. HĐND, UBND các phường, xã;
- Báo và PPTH Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH